TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/DS-PT
Ngày: 13 - 4 -2023
Về việc "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Văn Hai;

2. Bà Phạm Thị Minh Châu

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh AG xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 62/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" giữa:

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST, ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện PT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Đồng nguyên đơn*:

1.1 Ông Cao Thanh P, sinh năm 1976; có mặt

1.2 Bà Bùi Thị Diễm L, sinh năm 1977, Có mặt

Cùng cư trú: số 166, tổ 03, ấp PhCB, xã PhTh, huyện PT, tỉnh AG.

2. *Đồng bị đơn*:

2.1 Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1933 (chết ngày 21/7/2022)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đỗ Thị B gồm:

- Bà Lê Mỹ D, sinh năm 1955, CCCD 089158000642, cấp ngày 06/4/2021, địa chỉ cư trú số 229, đường số 8, khóm 8, phường ChPh A, TP ChĐ, tỉnh AG

- Ông Lê Văn B2, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú phường MPh, TP LX, tỉnh AG.

- Ông Lê Văn S, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú tổ 3, ấp Phú Đ B, xã Phú Th, huyện PT, tỉnh AG.

- Ông Lê Hữu Ng, sinh năm 196;, địa chỉ cư trú tổ 3, ấp Ph Đ B, xã Phú Th huyện PT, tỉnh AG.

- Ông Lê Hữu Q, sinh năm 1972, địa chỉ cư trú khóm ChTh, phường ChPh A, thành phố ChĐ, tỉnh AG

- Ông Lê Trung T3, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú tổ 3, ấp Ph Đ B, xã PhTh, huyện PT, tỉnh AG.

- Bà Lê Mỹ A, sinh năm 1974, địa chỉ cư trú: số 165, tổ 03, ấp Phú Cường B, xã Phú Thạnh, huyện PT, tỉnh AG.

2.2 Bà Lê Mỹ A, sinh năm 1974, cùng cư trú: số 165, tổ 03, ấp Phú Cường B, xã Phú Thạnh, huyện PT, tỉnh AG. Có mặt

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Alà anh Đặng Thành Đ2, sinh năm 1979, địa chỉ cư trú: khóm Châu Thạnh, phường Ch Ph A, thành phố Ch Đ, tỉnh AG. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Mỹ A: Luật sư Nguyễn Thành T, sinh năm 1983 - Công ty luật TNHH MTV Tấn Thành thuộc Đoàn luật sư tỉnh AG. Địa chỉ số 32, Bạch Đ, phường ML thành phố LX, tỉnh AG. Có mặt

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Lê Mỹ D, sinh năm 1958, CCCD 089158000642, cấp ngày 06/4/2021, địa chỉ cư trú số 229, đường số 8, khóm 8, phường ChPh A, TP ChĐ, tỉnh AG

3.2. Ông Lê Văn B2, sinh năm 1960, địa chỉ cư trú phường MPh, TP LX, tỉnh AG.

3.3. Ông Lê Văn S, sinh năm 1963, địa chỉ cư trú tổ 3, ấp Phú C B, xã Phú Th, huyện PT, tỉnh AG.

3.4. Ông Lê Hữu Ng, sinh năm 1967, địa chỉ cư trú tổ 3, ấp Phú C B, xã Phú Th, huyện PT, tỉnh AG.

3.5. Ông Lê Hữu Quý, sinh năm 1972, địa chỉ cư trú khóm Châu Th2, phường ChP A, TP ChĐ, tỉnh AG

3.6. Ông Lê Trung T3, sinh năm 1977, địa chỉ cư trú tổ 3, ấp PhC B, xã Phú Th, huyện PT, tỉnh AG.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Mỹ D, ông Lê Văn B2, ông Lê Văn S, ông Lê Hữu Ng, ông Lê Hữu Qvà ông Lê Trung T3 là ông Đặng Thành Đ, sinh năm 1979, địa chỉ cư trú: khóm Ch Th, phường ChPh A, thành phố ChĐ, tỉnh AG. Có mặt

Người kháng cáo: bà Lê Mỹ A là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Cao Thanh P, bà Bùi Thị Diễm L cùng trình bày: Vợ chồng ông bà chuyển nhượng diện tích đất của người khác và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 06039, do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 23/01/2017, thửa số 72, tờ bản đồ số 7 có diện tích là 340,2m^2 quá trình sử dụng thì phía bà Bê và bà Ái có lấn chiếm phần đất của ông bà. Nay yêu cầu bà Lê Mỹ A cùng các người con khác của bà Bê (do bà Bê đã chết 21/7/2022) tháo dỡ di dời tài sản trả lại diện tích đất 14,8m^2 theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh PT lập ngày 07/7/2021 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06039, ngày 23/01/2017, thửa số 72, tờ bản đồ số 07 do ông, bà đứng tên.

Đối với việc bị đơn phản tố yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, bà và yêu cầu được sử dụng diện tích lấn chiếm 14,8m^2, ông bà không đồng ý vì đất này đã chuyển nhượng lại của những người trước đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi kiểm tra mốc ranh mới phát hiện nhà của bà Bê bà Ái lấn chiếm nên yêu cầu tháo dỡ di dời để xây dựng nhà đúng ranh.

Ông Đặng Thành Đ đại diện cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Trước đây khi đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào khoản năm 2001, thì giấy chứng nhận của gia đình bà B nhận về so với hiện trạng căn nhà có lệch nên mới thỏa thuận với người cháu là Nguyễn Trung H3 (G), sinh năm 1957 (đã chết) và bà Huỳnh Thị R, sinh năm 1952 (đã chết) có thỏa thuận với cụ Đỗ Thị B ngày 16/6/2001 hai bên giữ y hiện trạng sử dụng, nhưng sau này ông H bà Rbán cho người khác là Nguyễn Thanh B và Trần Thị Nhật L (ở ấp P C B, xã Phú Th) sử dụng cũng không nói gì ranh đất, sau đó ông B, bà L mới bán lại cho ông Ph bà L mới có tranh chấp.

Nay có ý kiến như sau: nếu ông Ph bà L đồng ý để gia đình sử dụng diện tích lấn chiếm 14,8m^2, trong đó phần mái che 2,7m^2 có thể gia đình tháo điều chỉnh cho đúng, còn lại 12,1m^2 phần nhà chính có thể trả tiền cho ông Ph bà L để khỏi phải tháo dỡ thay đổi kết cấu căn nhà và hàng gắn tình làng nghĩa xóm.

Trường hợp ông Ph bà L không đồng ý thì ông yêu cầu như ý kiến phản tố của bà A là yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ph bà L và yêu cầu được sử dụng diện tích 14,8m^2, vì ông là người được uỷ quyền để cùng thương lượng.

Ngoài ra, các đương sự không còn ý kiến nào khác

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện PT quyết định:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 157; khoản 6 Điều 165; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 26, Điều 27 và Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và người liên quan về tranh chấp "Đòi lại quyền sử dụng đất".

- Buộc bà Lê Mỹ A và các đồng thừa kế của bà Đỗ Thị B gồm: bà Lê Mỹ D, ông Lê Văn B2, ông Lê Văn S, ông Lê Hữu Ng, ông Lê Hữu Q, ông Lê Trung T3 phải tháo dỡ, di dời các tài sản trả lại diện tích đất như sau:

+ Vị trí thứ nhất: tháo dỡ, di dời và các biện pháp khác mái che khung tiền chế sắt, dài 6m, có 2 trụ sắt phi 90, cao 3m, mái lợp tol tại các điểm A, B, C, 6 có diện tích 2,7m^2, theo sơ đồ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT lập ngày 07/7/2021 và ngày 16/11/2022.

+ Vị trí thứ hai: tháo dỡ di dời và các biện pháp khác đòn tay, rui, mè lợp ngói tại các điểm 6, A, D, 9, 11, 12, 13, 18, 17, 10 có diện tích 3,9m^2, theo sơ đồ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT lập ngày 07/7/2021 và ngày 16/11/2022.

+ Vị trí thứ ba: thao dỡ, di dời và các biện pháp khác 04 (bốn) cột gỗ cao 2m (0,06m X 0,06m), lang cang gỗ dài 8m, cao 0,5m, có 01 đòn tay, rui, mè, lợp ngói tại các điểm 9, 11, 12, 13, E, D có diện tích 8,2m^2, theo sơ đồ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT lập ngày 07/7/2021 và ngày 16/11/2022.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Mỹ A yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 06039, do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 23/01/2017, thửa số 72, tờ bản đồ số 7 có diện tích là 340,2m^2, do ông Cao Thanh P và bà Bùi Thị Diễm L đứng tên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19 tháng 01 năm 2023, bị đơn bà Lê Mỹ A có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét gồm: Kháng cáo toàn bộ bản án số 04/2023/DS-ST, ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện PT. Công nhận quyền sử dụng diện tích 12,1m^2 của cụ Đỗ Thị B, cho thu hồi hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06039 ngày 23/01/2017 đứng tên Cao Thanh P, Bùi Thị Diễm L và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03662/pC do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp ngày 03/12/2001 đứng tên bà Đỗ Thị B để điều chỉnh cho đúng diện tích sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới tại cấp phúc thẩm, không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Phát biểu của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà A:

Căn nhà của cụ B được xây, cất từ năm 1974, khi có đoàn đo đạc đại trà, sau khi được cấp giấy thì phần căn nhà cụ B, bà A có diện tích là 14,8m^2 nằm trong giấy quyền sử dụng đất của ông H, bà R, nên từ đó giữa ông H, bà R với gia đình cụ B có lập một tờ thỏa thuận ngày 16/6/2001 với nội dung là giữ y hiện trạng không làm ảnh hưởng đến cấu trúc căn nhà, nên hai bên không điều chỉnh giấy chứng nhận. Như vậy việc cấp giấy quyền sử dụng đất của địa phương là không đúng với hiện trạng thực tế sử dụng và đối tượng sử dụng.

Thể hiện gia đình cụ B đã sử dụng ổn định, lâu dài căn cứ vào Điều 221 về căn cứ xác lập quyền sở hữu, Điều 236 quy định về xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu do chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật của Bộ luật dân sự năm 2015. Nhưng do ông H, bà R chuyển nhượng cho ông B3, bà L, và ông B3, bà L chuyển nhượng cho ông Ph, bà L. Nên từ đó phía các kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ B đồng ý hỗ trợ trả cho nguyên đơn với giá là 2.000.000 đồng/1m^2 là gấp 3 lần với giá thực tế và được sử dụng 12,1m^2, nhằm giữ nguyên hiện trạng không làm ảnh hưởng đến cấu trúc, vẻ mỹ quan cũng như khi tháo dỡ làm thiệt hại đến căn nhà bị đơn không thể khắc phục được. Và phía bà A cũng đồng ý tự nguyện tháo dỡ đối với diên tích 2,7m^2. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà A, công nhận sự tự nguyện của bà A tháo dỡ di dời phần cất lấn chiếm 2,7m^2, và đồng ý hỗ trợ trả cho nguyên đơn 2.000.000 đồng x 12,1m^2 = 24.200.000 đồng, và các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trang thực tế đang sử dụng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, Luật sư, ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục, bị đơn bà Lê Mỹ A kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ việc được xác định như sau: Các bên đương sự đều thống nhất việc sử dụng đất của bị đơn, phần diện tích là 14,8m^2 theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh PT lập ngày 07/7/2021. Bà Ái và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ B xin giữ nguyên hiện trạng đối với phần diện tích 12,1m^2, do phần diện tích này nếu tháo dở sẽ làm ảnh hưởng đến thiệt hại, kết cấu của căn nhà, do phần tháo dỡ gắn liền với căn nhà lợp ngói là nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đấtcủa nguyên đơn. Bị đơn tự nguyện tháo dỡ phần diện tích 2,7m^2, tự nguyện hỗ trợ trả giá trị là 24.200.000 đồng. Phía nguyên đơn không đồng ý. Cấp sở thẩm tuyên xử buộc bà Lê Mỹ A, Lê Mỹ D, ông Lê Văn B2, ông Lê Văn S, ông Lê Hữu Ng, ông Lê Hữu Q, ông Lê Trung T3 tháo dỡ các tài sản trả lại diện tích 14,8m^2 cho ông Ph, bà L.

[3] Xét đơn kháng cáo của bà Lê Mỹ A với nội dung yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất 12,1 m^2 của cụ Đỗ Thị B cho thu hồi 02 giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số CS6039 ngày 23/01/2017 đứng tên Cao Thanh P, Bùi Thị Diễm L và giấy chứng nhận quyền sử đất số 03662/pC do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp ngày 03/12/2001, đứng tên bà Đỗ Thị B để điều chỉnh cho đúng diện tích sử dụng. Hội đồng xét xử nhận thấy diện tích đất đang tranh chấp diện tích là 14,8m^2 nguyên đơn cũng thừa nhận bị đơn xây cất và sử dụng từ năm 1974 cho đến nay, bị đơn cũng xác nhận việc nguyên đơn chuyển nhượng và được cấp giấy quyền sử dụng diện tích đang tranh chấp 14,8m^2 là của nguyên đơn đứng tên. Cấp sơ thẩm chấp nhận diện tích đang tranh chấp 14,8m^2 của nguyên đơn là có căn cứ và bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm đồng ý tự nguyện tháo dỡ, di dời và các biện pháp khác mái che khung tiền chế sắt, dài 6m, có 2 trụ sắt phi 90, cao 3m, mái lợp tol tại các điểm A, B, C, 6 có diện tích 2,7m^2, theo sơ đồ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT lập ngày 07/7/2021 và ngày 16/11/2022 là tự nguyện, phù hợp pháp luật. Phần con lại cấp sơ thẩm buộc phía bị đơn tháo dỡ di dời và các biện pháp khác đòn tay, rui, mè lợp ngói tại các điểm 6, A, D, 9, 11, 12, 13, 18, 17, 10 có diện tích 3,9m^2, và tháo dỡ, di dời và các biện pháp khác 04 (bốn) cột gỗ cao 2m (0,06m X 0,06m), lan can gỗ dài 8m, cao 0,5m, có 01 đòn tay, rui, mè, lợp ngói tại các điểm 9, 11, 12, 13, E, D có diện tích 8,2m^2, theo sơ đồ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT lập ngày 07/7/2021 và ngày 16/11/2022 là chưa phù hợp vì theo tập quán dân cư sinh sống Đồng bằng sông Cửu Long là cất nhà ngói, gỗ khi cất kết cấu đồng bộ. Đối với căn nhà của cụ B căn cứ vào biên bản thẩm định là nhà gỗ, lợp ngói, được xây dựng trước năm 1975 có kết cấu đồng bộ, nếu tháo dỡ phần mái nhà phía bên trái có diện tích là 12,1m^2 cụ thể tại các điểm 6, A, D, 9, 11, 12, 13, 18, 17, 10 có diện tích 3,9m^2 phải tháo dở đòn tay, rui, mè lợp ngói; và các điểm 9, 11, 12, 13, E, D có diện tích 8,2m^2 tháo dỡ, di dời và các biện pháp khác 04 (bốn) cột gỗ cao 2m (0,06m X 0,06m), lan can gỗ dài 8m, cao 0,5m, có 01 đòn tay, rui, mè, lợp ngói, án sơ thẩm tuyên buộc tháo dở là làm ảnh hưởng đến cấu trúc căn nhà, việc bị đơn yêu cầu được giữ nguyên hiện trạng tại các điểm 6, A, D, 9, 11, 12, 13, 18, 17, 10 tích 3,9m^2, các điểm 9, 11, 12, 13, E, D có diện tích 8,2m^2 và tự nguyện hỗ trợ trả giá trị đất là 2.000.000 đồng/m^2 (có giá trị gấp 3 lần theo biên bản định giá ngày 07/01/2022). Đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm cũng thể hiện ý chí của nguyên đơn là đồng ý nhận giá 1.000.000 đồng/m^2 nhưng do tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn không đồng ý, nay tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của bị đơn, người liên quan có ý kiến là hỗ trợ giá trị đất cho nguyên đơn 2.000.000 đồng/m^2 là hợp lý, và cũng phù hợp với Điều 221, Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015 như Luật sư của bị đơn đề nghị. Mặc khác diện tích 12,1m^2 đang tranh chấp cho bị đơn tiếp tục sử dụng, không phải tháo dở cũng không làm ảnh hưởng gì đến quyền sử dụng đất của nguyên đơn. Do đó cấp phúc thẩm cần sửa một phần của bản án sơ thẩm đối với phần diện tích 12,1m^2 công nhận sự hỗ trợ của bị đơn trả giá trị đất là 12,1m^2 x 2.000.000 đồng = 24.200.000 đồng và bị đơn được tiếp tục sử dụng diện tích 12,1m^2 .

[4] Về án phí và chi phí tố tụng các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng được chấp nhận nên bà Lê Mỹ A không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Mỹ A.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện PT.

Xử: Công nhận sự tự nguyện của bà Lê Mỹ A và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đỗ Thị B gồm: bà Lê Mỹ D, ông Lê Văn B2, ông Lê Văn S, ông Lê Hữu Ng, ông Lê Hữu Quý, ông Lê Trung T3 tháo dỡ, di dời và các biện pháp khác mái che khung tiền chế sắt, dài 6m, có 2 trụ sắt phi 90, cao 3m, mái lợp tol tại các điểm A, B, C, 6 có diện tích 2,7m^2, theo sơ đồ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT lập ngày 07/7/2021 và ngày 16/11/2022.

Công nhận sư tự nguyện hỗ trợ trả giá trị đất của bà Lê Mỹ A và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đỗ Thị B gồm: bà Lê Mỹ D, ông Lê Văn B2, ông Lê Văn S, ông Lê Hữu Ng, ông Lê Hữu Q, ông Lê Trung T3 cho ông Cao Thanh P và bà Bùi Thị Diễm L số tiền 24.200.000 đồng.

Bà Lê Mỹ A và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đỗ Thị B gồm: bà Lê Mỹ D, ông Lê Văn B2, ông Lê Văn S, ông Lê Hữu Ng, ông Lê Hữu Q, ông Lê Trung T3 được tiếp tục sử dụng và giữ nguyên hiện trạng tại các điểm 6, A, D, 9, 11, 12, 13, 18, 17, 10 có diện tích 3,9m^2, các điểm 9, 11, 12, 13, E, D có diện tích 8,2m^2 (nằm trong quyền sử dụng đất của ông Ph, bà L) theo sơ đồ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT lập ngày 07/7/2021 và ngày 16/11/2022.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng thực tế sử dụng theo theo sơ đồ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT lập ngày 07/7/2021 và ngày 16/11/2022 (Kèm theo bản vẽ).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Mỹ A yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 06039, do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 23/01/2017, thửa số 72, tờ bản đồ số 7 có diện tích là 340,2m^2, do ông Cao Thanh P và bà Bùi Thị Diễm L đứng tên.

Về chi phí tố tụng: Bà Lê Mỹ A và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đỗ Thị B gồm: bà Lê Mỹ D, ông Lê Văn B2, ông Lê Văn S, ông Lê Hữu Ng, ông Lê Hữu Q, ông Lê Trung T3 cùng phải chịu 2.000.000đ. Các ông bà phải hoàn trả số tiền này (2.000.000đ) cho ông Ph bà L.

Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Mỹ A và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đỗ Thị B gồm: bà Lê Mỹ D, ông Lê Văn B2, ông Lê Văn S, ông Lê Hữu Ng, ông Lê Hữu Q, ông Lê Trung T3 cùng phải chịu 1.210.000 đồng và 300.000 đồng về tranh chấp quyền sử dụng đất. Ông Cao Thanh P và bà Bùi Thị Diễm L không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Cao Thanh P và bà Bùi Thị Diễm L 300.000đ theo biên lai thu số 0004474, ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh AG.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng được chấp nhận nên bà Lê Mỹ A không phải chịu án phí phúc thẩm. Được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0005886 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh AG;
- Cục THADS tỉnh AG;
- TAND huyện PT;
- Chi cục THADS huyện PT;
- Văn phòng;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Đương sự (để thi hành); - Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ